TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/DS-PT
Ngày 17-9-2019
V/v tranh chấp ranh đất và tranh chấp không gian, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Đương

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Nguyễn Văn Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc "Tranh chấp ranh đất và tranh chấp không gian, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2019/QĐPT-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A, đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, Luật sư Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Võ Thế P, sinh năm 1958; địa chỉ: Số B đường B, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Lê Thị F, sinh năm 1958; địa chỉ: Số B đường B, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trịnh Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2017 nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày: Nguồn gốc đất thửa số 228 và 229 là của bà Trịnh Thị N và ông Nguyễn Văn T (chết) nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị N vào năm 1997 diện tích nhà đất là 31m^2, tọa lạc tại số A, đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà do ông Nguyễn Văn T đứng tên. Đến tháng 7/1997 vợ chồng ông Võ Thế P và bà Lê Thị F lấn chiếm phần đất vỉa hè mặt tiền, xây dựng trái phép và còn lấn không gian thẳng đứng phần đất 6,67m^2 (ngang 1,15m; dài 5,8m) thuộc các thửa số 228 và 229, tờ bản đồ số 17/19, tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Thế P và bà Lê Thị F phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm sang phần đất và không gian của gia đình bà, trả lại diện tích đất 6,67m^2 (ngang 1,15m; dài 5,8m), thuộc các thửa số 228; 229 tờ bản đồ số 17/19 đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho gia đình bà N quản lý, sử dụng.

Theo bị đơn ông Võ Thế P trình bày: Phần diện tích đất bà Trịnh Thị N tranh chấp là một phần diện tích của căn nhà số B đường B, thuộc thửa số 423 diện tích 27m^2 giáp với thửa đất số 424 diện tích 31m^2, tờ bản đồ số 16 (tư liệu năm 1991), giữa hai thửa đất có xây dựng tường riêng biệt. Đến năm 1995 trọn thửa 423 nằm trong quy hoạch lộ giới "hành lang bảo vệ lộ". Đất này trước đây do bà D sử dụng và đóng thuế, năm 1995 bà D chuyển nhượng lại cho ông, kể từ đó ông sử dụng và đóng thuế cho Nhà nước. Năm 1996 ông Võ Thế P được chính quyền cho phép làm cầu vệ sinh, trong quá trình thực hiện có phát sinh thêm phần sửa chữa nhà nên bị xử phạt vi phạm hành chính về lỗi xây dựng trái phép, ông đã nộp khoản tiền phạt còn khoản khôi phục lại nguyên hiện trạng ban đầu thì ông Võ Thế P cam kết sẽ tự tháo dỡ khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Cùng trong thời gian này bà Trịnh Thị N có chuyển nhượng đất liền kề là thửa 424 diện tích 31m^2. Năm 2013 Nhà nước công bố lộ giới theo quy hoạch thì phần đất ông Võ Thế P đang sử dụng không còn là đất công cộng nữa mà là thửa đất số 370 diện tích 29,70 m^2 do ông

đứng tên đăng ký kê khai sử dụng và thực hiện nghĩa vụ thuế. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông và bà F tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng mà bà N cho rằng ông xây dựng lấn chiếm sang phần đất và không gian của gia đình bà N diện tích đất 6,67m^2 (ngang 1,15; dài 5,8m), thuộc các thửa số 228 và 229 tờ bản đồ số 17/19 đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, thì ông không đồng ý.

Ông Võ Thế P yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 6,67m^2 (ngang 1,15m; dài 5,8m) đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông và buộc bà N tháo dỡ phần tole lợp chồng lên mái nhà của ông và khắc phục nước mưa sang nhà ông với số tiền 3.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường A và chị Nguyễn Thị Hồng T, do ông Lâm Khắc S làm đại diện thống theo lời trình bày và yêu cầu của bà Trịnh Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị F thống nhất theo lời trình bày của ông Võ Thế P.

Tại bản án sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N yêu cầu bị đơn ông Võ Thế P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị F trả lại diện tích đất 6,67m^2 (ngang 1,15m x dài 5,8m) phía ngoài bức tường giáp với các thửa số 228, 229 cùng tờ bản đồ số 17/19 (theo tư liệu năm 1983), đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông Võ Thế P, công nhận phần đất diện tích 6,67m^2 (ngang 1,15m x dài 5,8m) thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 2 (theo tư liệu năm 1998), đất tọa lạc tại Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Thế P về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2018 nguyên đơn bà Trịnh Thị N kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc hộ gia đình ông Võ Thế P phải tháo dở phần tường nằm dưới không gian balcon của căn nhà số 02 của bà và trả lại diện tích 6,67m^2 giáp đường B cho gia đình bà.

Tại Quyết định kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh kháng nghị một phần bản án sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trịnh Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh giữ nguyên quyết định kháng nghị, ông Võ Thế P và bà Lê Thị F giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Phần diện tích đất ông Võ Thế P sử dụng lấn chiếm vỉa hè nên bị xử phạt vi phạm hành chính sau đó ông Võ Thế P khiếu nại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có giải quyết khiếu nại và bác yêu cầu của ông Võ Thế P, đến nay ông Võ Thế P chưa tháo dỡ công trình xây dựng lấn hành lang lộ giới nên bà Trịnh Thị N yêu cầu tháo dỡ là có cơ sở.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cấp cho bà N diện tích 31m^2 nhưng diện tích thực tế của bà N sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà N yêu cầu buộc ông Võ Thế P và bà Lê Thị F tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm sang phần đất và không gian để trả lại diện tích đất 6,67m^2 là có cơ sở đúng pháp luật.

Theo hồ sơ thiết kế căn nhà của bà N giáp với đường B có mái hiên phía trên phần không gian của vỉa hè nên yêu cầu của ông Võ Thế P là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N buộc ông Võ Thế P và bà Lê Thị F phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm sang phần đất và không gian để trả lại diện tích đất 6,67m^2

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 285, 286, 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo đơn phản tố của ông Võ Thế P, ông yêu cầu bà Trịnh Thị N tháo dỡ phần tole lợp phủ lên mái nhà ông P và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông P rút yêu cầu bồi thường thiệt hại 3.000.000 đồng, còn phần yêu cầu bà N tháo dỡ mái tole ông P không rút nhưng tòa cấp sơ thẩm không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm ông P vẫn yêu cầu bà tháo dỡ phần tole lấn sang nhà ông P. Vì phần yêu cầu này của ông P chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm Tòa án không thể xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự cho rằng trên phần đất tranh chấp hiện có 02 mái tole: mái tole của nhà ông P và mái tole của nhà bà N nhưng trong biên bản khảo sát, định giá ngày 11/4/2017 chỉ ghi nhận 01 mái tole và định giá 01 mái tole là thiếu sót.

Bản án sơ thẩm nhận định: Đối với yêu cầu của ông Võ Thế P yêu cầu công nhận phần diện tích đất 6,67 m^2 (ngang 1,15m dài 5,8m) thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 2 theo tư liệu năm 1998 là của gia đình ông là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, mặc dù hiện nay bà Lê Thị F đứng tên chủ sử dụng theo sổ mục kê đất đai nhưng bà F chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để công nhận phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị F nhưng tại phần quyết định của bản án lại tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông Võ Thế P, công nhận phần diện tích đất 6,67 m^2 (ngang 1,15m dài 5,8m) thuộc thửa 370 tờ bản đồ số 2 (theo tư liệu năm 1998) tọa lạc tại số A đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Việc bản án nhận định yêu cầu của đương sự không có căn cứ chấp nhận, nhưng lại tuyên chấp nhận yêu cầu của đương sự là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về phần nội dung bản án sơ thẩm.

Ngoài ra việc đương sự có đăng ký tên chủ sử dụng theo sổ mục kê đất đai nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi tranh chấp nếu đương sự có yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc sở hữu của mình, thì Tòa án phải xem xét nếu có căn cứ thì công nhận cho đương sự và đề nghị đương sự đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, bản án nhận định do đương sự chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để công nhận phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của đương sự là đi ngược lại với quy định của pháp luật. Phần quyết định của bản án tuyên công nhận phần diện tích đất 6,67m^2 (ngang 1,15m dài 5,8m) thuộc thửa 370 tờ bản đồ số 2 (theo tư liệu năm 1998) tọa lạc tại số A đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho ông P nhưng không tuyên vị trí tứ cận và đề nghị đương sự đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp là thiếu sót, gây khó khăn cho việc thi hành án sau này.

Nhận thấy kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Trà Vinh là có cơ sở, do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung, nên không xem xét kháng cáo của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Viện kiểm sát tỉnh Trà Vinh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Trà Vinh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án số 31/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị N kháng cáo trong thời hạn luật định nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Bà Trịnh Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông P, bà F tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng lấn chiếm sang phần đất và không gian của gia đình bà N trả lại diện tích đất theo hiện trạng là 6,67m^2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét thấy trong quá trình sử dụng đất bà Lê Thị F (là vợ ông Võ Thế P) có vi phạm trật tự quản lý vỉa hè nên năm 1998 Ủy ban nhân dân thị xã T xử phạt vi phạm hành chính bà Lê Thị F và buộc tháo dỡ ngay công trình xây dựng trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm gây ra. Năm 2013 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có ban hành Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 về việc phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị thành phố Trà Vinh có điều chỉnh lộ giới một số tuyến đường nội ô thành phố T có liên quan đến đường Đ và đường B nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất tranh chấp có thuộc hành lang an toàn giao thông hay không để xem xét quyết định nội dung đúng quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 23 tháng 12 năm 2016 của ông Võ Thế P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị N tháo dỡ phần mái tole lợp phía trên mái nhà của ông P và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản cho ông P 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Võ Thế P rút yêu cầu bồi thường thiệt hại là 3.000.000 đồng, đối với yêu cầu bà N tháo dỡ mái tole thì ông P vẫn yêu cầu nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, án sơ thẩm chưa xem xét giải quyết một cách toàn diện nội dung vụ án.

Phần quyết định của bản án tuyên công nhận phần diện tích đất 6,67 m^2 (ngang 1,15m x dài 5,8m) thuộc thửa 370 tờ bản đồ số 2 (theo tư liệu năm 1998) tọa lạc tại số A đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho ông Võ Thế P nhưng căn cứ vào kết quả đo đạc thì không thể hiện diện tích này (kết

quả đo đạc thể hiện diện tích đất tranh chấp là 6,7 m^2), án sơ thẩm không tuyên tứ cận là thiếu sót, ảnh hưởng đến việc thi hành án sau này.

Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm có nêu "Đối với yêu cầu của ông Võ Thế P, yêu cầu công nhận phần diện tích đất 6,67m^2 (ngang 1,15m x dài 5,8m) thuộc thửa 370, tờ bản đồ số 2, theo tư liệu năm 1998 là của gia đình ông là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, mặc dù hiện nay bà Lê Thị F đứng tên chủ sử dụng theo sổ mục kê đất đai nhưng bà F chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để công nhận phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị F" nhưng ở phần quyết định của bản án lại tuyên "Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông Võ Thế P, công nhận phần diện tích đất 6,67 m^2 (ngang 1,15m x dài 5,8m) thuộc thửa 370 tờ bản đồ số 2 (theo tư liệu năm 1998) tọa lạc tại số A, đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh" là mâu thuẫn với nhau không đúng quy định của khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong phần nhận định và quyết định của Tòa án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về phần nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 266 của Bộ luật dân sự năm 2015, quyết định của bản án tuyên công nhận phần đất diện tích 6,67m^2 cho ông P nhưng không tuyên vị trí tứ cận là có cơ sở, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục và nội dung vụ án, chưa điều tra xác minh chứng cứ đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nghĩ nên chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác định phần không gian trên phần đất tranh chấp có 2 mái tole (Một mái tole của ông Võ Thế P và một mái tole của bà Trịnh Thị N lợp phía trên mái tole của ông P) nhưng trong biên bản thẩm định, định giá của cấp sơ thẩm chỉ thể hiện có một mái tole và cũng không xác định mái tole này là tài sản của ai nên khi giải quyết lại vụ kiện cấp sơ thẩm cần lưu ý việc thẩm định, định giá tài sản trên đất tranh chấp để giải quyết vụ kiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trịnh Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh về việc "Tranh chấp ranh đất, tranh chấp không gian và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị N với bị đơn ông Võ Thế P.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí và chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Trịnh Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0018871 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- CC THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Đắc Đương